



## TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện Quý I năm 2026	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>316.536</b>	<b>114.855</b>	<b>36,3</b>	
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>316.536</b>	<b>94.317</b>	<b>29,8</b>	
1	Thu NSDP hưởng 100%	4.202	978	23,3	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	85.092	28.052	33,0	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>227.242</b>	<b>65.287</b>	<b>28,7</b>	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	224.242	56.068	25,0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000	9.219	307,3	
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>20.538</b>	<b>-</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>316.536</b>	<b>55.901</b>	<b>17,7</b>	
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>313.536</b>	<b>55.901</b>	<b>17,8</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	69.440		0,0	
2	Chi thường xuyên	237.676	55.901	23,5	
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
4	Dự phòng NSNN	6.420		-	
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>3.000</b>		<b>0,0</b>	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>				



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HDND xã giao		Thực hiện Quý I năm 2026		Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Dự toán tổng thu NSNN	Dự toán tổng thu NSDP
a	b	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>562.692</b>	<b>316.536</b>	<b>128.943</b>	<b>94.317</b>	<b>22,9</b>	<b>29,8</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>335.450</b>	<b>89.294</b>	<b>63.655</b>	<b>29.030</b>	<b>19,0</b>	<b>32,5</b>
1	Thu DNNN Trung ương			232			
2	Thu DNNN địa phương	680		329	329	48,4	
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thuế CTN - ngoài quốc doanh	16.740	16.740	10.636	9.979	63,5	59,6
5	Thuế thu nhập cá nhân	10.100	9.800	3.315	1.779	32,8	18,1
6	Thu thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	10.900	2.940	3.331	709	30,6	24,1
8	Các loại phí, lệ phí	400	400	140	58	34,9	14,6
9	Các khoản thu về nhà, đất	291.840	58.874	45.577	16.139	15,6	27,4
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	320	322	174	174	54,3	54,0
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.520	752	8	3	0,5	0,4
-	Thu tiền sử dụng đất	290.000	57.800	45.395	15.961	15,7	27,6
-	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					-	
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			21			
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	240	240			-	
13	Thu khác ngân sách	4.550	300	75	37	1,7	12,3
14	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%						
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Tổng thu từ hoạt động XNK</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Các khoản huy động, đóng góp</b>					-	
<b>VI</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>227.242</b>	<b>227.242</b>	<b>65.287</b>	<b>65.287</b>	<b>28,7</b>	<b>28,7</b>
1	Bổ sung cân đối	224.242	224.242	56.068	56.068	25,0	25,0
2	Bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000	9.219	9.219	307,3	307,3

# THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026



Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện Quý I năm 2025	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
	<b>TỔNG CHI NSDP (A+B)</b>	<b>316.536</b>	<b>55.901</b>	<b>17,66</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>316.536</b>	<b>55.901</b>	<b>17,66</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>69.440</b>	-	-	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	69.440		-	
2	Cho đầu tư, hỗ trợ vốn cho các quỹ và đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>237.676</b>	<b>55.901</b>	<b>23,52</b>	
11	Chi quốc phòng và an ninh	5.788	1.419	24,52	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	135.760	29.552	21,77	
5	Chi khoa học công nghệ	700		-	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	7.703	1.801	23,37	
6	Chi văn hoá thông tin	2.870	770	26,83	
7	Chi phát thanh truyền hình	1.927	235	12,18	
8	Chi thể dục thể thao	661	215	32,52	
2	Chi bảo vệ môi trường	6.183	40	0,65	
1	Chi các hoạt động kinh tế	7.434	983	13,23	
10	Chi quản lý nhà nước, đảng và đoàn thể	34.693	11.528	33,23	
9	Chi đảm bảo xã hội	32.775	9.358	28,55	
12	Chi khác ngân sách	1.182		-	
<b>III</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6.420</b>	-		
<b>V</b>	<b>Chi trả nợ lãi vay</b>				
<b>VI</b>	<b>Chi nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu</b>	<b>3.000</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>				